

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày 17/5/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lâm Lệ Oanh.

Ông Nguyễn văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Hồng Kh, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ 01, khu phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Phạm Tấn L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu phố B, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Ngọc D, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu phố B, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang;

Nguyên đơn có mặt; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn trình bày: Vào ngày 24/11/2021, bà có cho ông Phạm Tấn L vay số tiền

40.000.000 đồng để mua sắt làm công trình nhà tiền chế, hạn trong vòng 15 ngày sẽ trả. Ngày 27/11/2021, ông L tiếp tục vay thêm 40.000.000 đồng để tiếp tục mua sắt làm công trình cũng hạn 15 ngày sau sẽ trả, ngày 05/12/2021 ông L tiếp tục vay thêm 30.000.000 đồng để thanh toán tiền công cho thợ, hạn 7 ngày sẽ thanh toán hết số tiền đã vay. Khoản vay có thỏa thuận lãi 10%/tháng, khi ông L trả gốc thì gửi trả luôn lãi. Nhưng khi đến ngày hạn trả bà có gọi điện thoại cho ông L nhiều lần nhưng ông L cứ hạn hoãn, vài lần sau bà gọi thì ông L không bắt máy và không trả tiền cho bà. Khi cho ông L vay tiền bà không có gặp mặt hay thỏa thuận với vợ ông L là bà Trần Ngọc D, sự việc cho vay tiền bà không có thỏa thuận với vợ ông L nên ngày 22/3/2022 bà ký đơn rút một phần khởi kiện không yêu cầu bà Trần Ngọc D là vợ ông L cùng trả số nợ này cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L thanh toán số tiền đã mượn của bà là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến khi xét xử xong vụ án.

Bị đơn ông Phạm Tấn L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông L vắng mặt và không có ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, trong biên bản tổng đạt thủ tục tố tụng lập ngày 03/3/2022 bà Trần Ngọc D trình bày: Bà Kh cho chồng bà là ông L vay tiền bà hoàn toàn không biết. Bà với ông L là vợ chồng nhưng từ 03 năm nay ông L đi làm ăn riêng, bà không biết ông L làm gì, tiền bạc không đưa cho bà, vợ chồng bà xài tiền riêng, ông L bỏ nhà đi mấy tháng nay không trở về. Bà không đồng ý nhận tất cả các văn bản của Tòa án tổng đạt cho bà và không đồng ý ký tên vào các văn bản của Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền vay là 110.000.000 đồng cùng tiền lãi theo quy định; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do tự nguyện rút đối với phần yêu cầu bà Trần Ngọc D cùng thanh toán nợ. Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Trong vụ án này bị đơn ông Phạm Tấn L cư trú tại Khu phố B, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Phạm Tấn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông L.

[3] Về nội dung: Vào ngày 24/11/2021 ông Phạm Tấn L vay của bà Trương Thị Hồng Kh số tiền 40.000.000 đồng, hẹn trong vòng 15 ngày sẽ trả. Ngày 27/11/2021 ông L tiếp tục vay thêm 40.000.000 đồng cũng hẹn 15 ngày sau sẽ trả, ngày 05/12/2021 ông L tiếp tục vay thêm 30.000.000 đồng hẹn 7 ngày sẽ thanh toán hết số tiền đã vay, trong biên nhận có ghi hai bên tự thỏa thuận lãi suất, tại phiên tòa bà Kh trình bày lãi suất hai bên thỏa thuận là 10%/tháng, khi trả gốc trả luôn tiền lãi. Khi đến ngày hẹn trả bà Kh có gọi điện thoại cho ông L nhiều lần nhưng ông L không thanh toán nên phát sinh tranh chấp. Nay bà Kh yêu cầu ông L thanh toán cho bà số tiền trên và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày vay cho đến khi xét xử xong vụ án; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có ý kiến. Theo Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về **Nghĩa vụ trả nợ của bên vay** “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác;.... 5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về **Lãi suất** “1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay... Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực...”. Tại phiên tòa bà Kh yêu cầu tính lãi suất của 3 khoản vay từ ngày nhận tiền đến nay theo mức lãi suất do Nhà nước quy định, bà không yêu cầu tính lãi suất theo khoản tiền vay có thời hạn. Xét yêu cầu của bà Kh là có căn cứ và có lợi cho ông L, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, việc bà Kh yêu cầu ông L thanh toán nợ cho bà và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày vay cho đến khi xét xử xong vụ án là phù hợp

với quy định của pháp luật. Theo Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tiền lãi của khoản vay được tính như sau:

- Khoản vay 40.000.000 đồng vay vào ngày 24/11/2021 đến ngày 17/5/2022 là 05 tháng 23 ngày x 40.000.000 đồng x 20%/năm (1,66%/tháng) = 3.829.059 đồng;

- Khoản vay 40.000.000 đồng vay vào ngày 27/11/2021 đến ngày 17/5/2022 là 05 tháng 20 ngày x 40.000.000 đồng x 20%/năm (1,66%/tháng) = 3.762.660 đồng;

- Khoản vay 30.000.000 đồng vay vào ngày 05/12/2021 đến ngày 17/5/2022 là 05 tháng 12 ngày x 30.000.000 đồng x 20%/năm (1,66%/tháng) = 2.689.200 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là 10.280.919 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi mà ông L phải thanh toán cho bà Kh là 120.280.919 đồng.

[4] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Hồng Kh là có căn cứ chấp nhận, nghị cần buộc ông Phạm Tấn L thanh toán cho bà Kh số tiền 120.280.919 đồng (Một trăm hai mươi triệu hai trăm tám mươi nghìn chín trăm mười chín đồng), trong đó vốn gốc là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), tiền lãi là 10.280.919 đồng (Mười triệu hai trăm tám mươi nghìn chín trăm mười chín đồng). Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kh đối với bà Trần Ngọc D về yêu cầu bà D cùng ông L thanh toán nợ cho bà, do tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện.

[5] Về án phí: Ông Phạm Tấn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền phải thanh toán cho bà Kh.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 35, 39, 147, 244, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện. Buộc ông Phạm Tấn L phải thanh toán cho bà Trương Thị Hồng Kh số tiền 120.280.919 đồng (Một trăm hai mươi triệu hai trăm tám mươi nghìn chín trăm mười chín đồng), trong đó vốn gốc là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), tiền lãi là 10.280.919 đồng (Mười triệu hai trăm tám mươi nghìn chín trăm mười chín đồng)

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hồng Kh do tự nguyện rút khởi kiện đối với bà Trần Ngọc D. Hậu quả của việc đình chỉ: Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại vụ án dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. **Về án phí:** Ông Phạm Tấn L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 6.014.045 đồng (Sáu triệu không trăm mười bốn nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng).

Trả lại bà Trương Thị Hồng Kh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.900.279 đồng (Hai triệu chín trăm nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng) theo biên lai thu tiền số 0000393 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS Tp. H;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Giang Phước Thành